TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Ông Phạm Văn Hễ

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 319/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1298/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 163/27/13B đường BQL, Phường X, quận GV, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Tran Van B, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 3501 N. Jupiter Road Apt 45B, Richardson, Texas 75082, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B kết hôn năm 2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 21/9/2018 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 tháng tại Việt Nam, sau đó ông Tran Van B trở về nước Hoa Kỳ (USA) sinh sống, bà Nguyễn Thị Hoài T sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Tháng 3/2019 ông Tran Van B về Việt Nam thăm bà Nguyễn Thị Hoài T, sau đó trở về nước Hoa Kỳ (USA) sinh sống, không trở lại Việt Nam cho đến nay. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu ly hôn ông Tran Van B để ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 28/02/2024, ông Tran Van B trình bày:

Việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung; Ông Tran Van B đồng ý thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị Hoài T.

Bà Nguyễn Thị Hoài T khởi kiện xin ly hôn, ông Tran Van B có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tran Van B đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Hoài T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Tran Van B, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Tran Van B đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA), nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T cư trú tại quận GV, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T, bị đơn ông Tran Van B tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T và bị đơn ông Tran Van B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T đối với bị đơn ông Tran Van B, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 21/9/2018 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và ông

Tran Van B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu ly hôn ông Tran Van B với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 tháng tại Việt Nam, sau đó ông Tran Van B trở về nước Hoa Kỳ (USA) sinh sống, bà Nguyễn Thị Hoài T sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Tháng 3/2019 ông Tran Van B về Việt Nam thăm bà Nguyễn Thị Hoài T, sau đó trở về nước Hoa Kỳ (USA) sinh sống, không trở lại Việt Nam cho đến nay. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay. Đối với ông Tran Van B cũng thừa nhận trình bày của bà Nguyễn Thị Hoài T là đúng và đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Hoài T. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T ly hôn ông Tran Van B theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T đối với bị đơn ông Tran Van B:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hoài T ly hôn ông Tran Van B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 21/9/2018 do Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tran Van B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000956 ngày 21/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Nguyễn Thị Hoài T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Tran Van B cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND QGV, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức